



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

MILINDAPAÑHAPĀḶI

&

MILINDA VẤN ĐẠO

5. RUKKHĀCETANABHĀVAPAÑHO

1. “**Bhante nāgasena bhāsitampetaṃ tathāgatena:**
‘Acetanaṃ brāhmaṇa assuṇantaṃ
jānaṃ¹ ajānantaṃ mimaṃ palāsaṃ,
āraddhaviṇṇaṃ dhūvaṃ appamatto
sukhaseyyaṃ pucchasi kissa hetū²’ti.

Puna ca bhaṇitaṃ: **‘Iti phandanarukkho tāvadeva² ajjhabhāsatha:**
‘Mayhampi vacanaṃ atthi. Bhāradvāja suṇohi me³’ti. Yadi bhante
nāgasena rukkho acetano, tena hi phandanena rukkheṇa bhāradvājena saha
sallapitaṃ ’ti yaṃ vacanaṃ taṃ micchā. Yadi phandanena rukkheṇa
bhāradvājena saddhiṃ sallapitaṃ, tena hi ’rukkho acetano³ ’ti, tampi
vacanaṃ micchā. Ayampi ubhatokotiko pañho tavānuppatto. So tayā
nibbāhitabbo⁴”ti.

2. “Bhāsitampetaṃ mahārāja bhagavatā: ‘Rukkho acetano³ ’ti.
Phandanena ca rukkheṇa bhāradvājena saddhiṃ sallapitaṃ. Tañca pana
vacanaṃ lokasamaññāya bhaṇitaṃ. Natthi mahārāja acetanassa rukkhasa
sallāpo nāma. Api ca mahārāja tasmīṃ rukkhe adhiatthā devatā. Tassā yeva
taṃ adhiatthā³ ’rukkho³ ’ti. ‘Rukkho sallapati³ ’ti cesā lokapaññatti. Yathā
mahārāja sakaṭaṃ dhañṇaparipūritaṃ dhañṇasakaṭanti jano voharati, tañca
pana sakaṭaṃ kaṭṭhamayaṃ.⁴ Tasmīṃ sakaṭe dhañṇassa ākiritattā
‘dhañṇasakaṭaṃ ’ti jano voharati. Evameva kho mahārāja na rukkho sallapati.
Rukkho acetano. Yā pana tasmīṃ rukkhe adhiatthā devatā, tassā yeva taṃ⁵
adhiatthā³ ’rukkho³ ’ti. ‘Rukkho sallapati³ ’ti cesā lokapaññatti.

3. Yathā vā pana mahārāja dadhiṃ manthayamāno ‘takkaṃ manthemī³ ’ti
voharati. Na taṃ takkaṃ yaṃ so mantheti. Dadhiṃ yeva so manthento
‘takkaṃ manthemī³ ’ti voharati. Evameva kho mahārāja na rukkho sallapati.
Rukkho acetano yā pana tasmīṃ rukkhe adhiatthā devatā, tassā yeva taṃ³
adhiatthā³ ’rukkho³ ’ti. ‘Rukkho sallapati³ ’ti cesā lokapaññatti. Yathā
mahārāja⁶ asantaṃ sādhetto⁷ ‘asantaṃ⁸ sādhemī³ ’ti voharati. ‘Asiddhaṃ
siddhaṃ ’ti voharati, evañcesā lokasamaññā. Evameva kho mahārāja na
rukkho sallapati. Rukkho acetano. Yā pana tasmīṃ rukkhe adhiatthā
devatā, tassā yeva taṃ³ adhiatthā³ ’rukkho³ ’ti. ‘Rukkho sallapati³ ’ti cesā
lokapaññatti. Yāya mahārāja lokasamaññāya jano voharati, tathāgato ’pi
tāyeva lokasamaññāya sattānaṃ dhammaṃ desetī³”ti.

“Sādhu bhante nāgasena evametaṃ tathā sampaṭicchāmī³”ti.

Rukkhācetanabhāvapañho pañcamaṃ.

¹ jāno - Ma.

² iti phandanarukkhopi tāvade - Ma, PTS.

³ adhiatthāya devatāyetaṃ adhiatthāya - Ma.

⁴ na ca taṃ dhañṇamayaṃ sakaṭaṃ rukkhamayaṃ sakaṭaṃ - Ma, PTS.

⁵ tassāyeva taṃ - Ma; tassāy’ etaṃ - PTS.

⁶ yathā vā pana mahārāja - Ma, PTS.

⁷ asantaṃ sādhetukāmo santaṃ sādhemī ti voharati - Ma.

⁸ santaṃ - Ma.

5. CÂU HỎI VỀ BẢN THỂ SUY TƯ CỦA CÂY CỐI:

1. “Thưa ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Như Lai nói đến: ‘Này Bà-la-môn, nguyên nhân của điều gì mà người, là người có sự tinh tấn đã được ra sức, thường xuyên không xao lãng, lại hỏi han cây cối về sự ngủ nghỉ thoả mái trong khi biết rằng cây này là loài không có tâm tư, không nghe, không biết?’

Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: ‘Cây *phandana* đã tức thời đáp lại rằng: - Tôi cũng có lời trình. Này Bhāradvāja, hãy lắng nghe tôi.’ Thưa ngài Nāgasena, nếu cây cối là không có tâm tư, như thế thì lời nói rằng: ‘Cây *phandana* đã chuyện trò với Bhāradvāja’ là sai trái. Nếu cây *phandana* đã chuyện trò với Bhāradvāja, như thế thì lời nói rằng: ‘Cây cối là không có tâm tư’ cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho ngài. Nó nên được giải quyết bởi ngài.”

2. “Tâu đại vương, điều này cũng đã được đức Như Lai nói đến: ‘Cây cối là không có tâm tư.’ Và cây *phandana* đã chuyện trò với Bhāradvāja. Tuy nhiên, lời nói ấy đã được nói theo cách diễn đạt của thế gian. Tâu đại vương, đối với cây cối không có tâm tư không có việc gọi là chuyện trò. Tâu đại vương, tuy nhiên ở cây ấy có thiên nhân ngự. Cái từ gọi ‘cây’ ấy là ám chỉ vị thiên nhân. Và nói ‘cây cối trò chuyện,’ đây là quy định của thế gian. Tâu đại vương, giống như chiếc xe kéo được chắt đầy lúa thì người ta gọi là ‘xe lúa,’ tuy rằng chiếc xe kéo ấy làm bằng gỗ. Do tính chất đã được chắt đựng của lúa ở chiếc xe kéo ấy mà người ta gọi là ‘xe lúa.’ Tâu đại vương, tương tự y như thế cây cối không trò chuyện. Cây cối không có tâm tư. Tuy nhiên, ở cây ấy có thiên nhân ngự. Cái từ gọi ‘cây’ ấy là ám chỉ vị thiên nhân. Và ‘cây cối trò chuyện,’ đây là quy định của thế gian.

3. Tâu đại vương, hoặc là giống như trong khi khuấy sữa đông thì gọi là: ‘Tôi khuấy bơ.’ Vật mà người ấy khuấy không phải là bơ. Người ấy đang khuấy chính là sữa đông nhưng lại nói là: ‘Tôi khuấy bơ.’ Tâu đại vương, tương tự y như thế cây cối không trò chuyện. Cây cối không có tâm tư. Tuy nhiên, ở cây ấy có thiên nhân ngự. Cái từ gọi ‘cây’ ấy là ám chỉ vị thiên nhân. Và ‘cây cối trò chuyện,’ đây là quy định của thế gian. Tâu đại vương, giống như người đang tạo ra vật chưa hình thành thì nói là: ‘Tôi tạo ra vật đã hình thành.’ Nói về vật chưa thành tựu là: ‘Vật đã thành tựu,’ như vậy điều ấy là cách diễn đạt của thế gian. Tâu đại vương, tương tự y như thế cây cối không trò chuyện. Cây cối không có tâm tư. Tuy nhiên, ở cây ấy có thiên nhân ngự. Cái từ gọi ‘cây’ ấy là ám chỉ vị thiên nhân. Và ‘cây cối trò chuyện,’ đây là quy định của thế gian. Tâu đại vương, đức Như Lai thuyết giảng Giáo Pháp cho chúng sanh cũng theo y như cách diễn đạt của thế gian mà người ta thường nói.”

“Thưa ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.”

Câu hỏi về bản thể suy tư của cây cối là thứ năm.
